

Số: 135/BC-UBND

Đoàn Đào, ngày 06 tháng 4 năm 2026.

BÁO CÁO

**Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP
Và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ và tham gia góp ý đối với
Dự thảo hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định
20/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 76/2024/NĐ-CP**

Thực hiện Công văn số 1807/SYT-BTXH&PCTNXH ngày 03/4/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ, UBND xã Đoàn Đào báo cáo như sau:

I. Kết quả thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

1. Công tác chỉ đạo, triển khai, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch công tác bảo trợ xã hội năm 2026, trong đó coi Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 76/2024/NĐ-CP là cơ sở pháp lý trọng tâm. Hàng tháng, hàng quý, thường xuyên tổ chức rà soát đối tượng bảo trợ tại cộng đồng bao gồm người cao tuổi, trẻ em mồ côi, người khuyết tật... đảm bảo không bỏ sót đối tượng thuộc diện thụ hưởng.

Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ban hành Nghị quyết 815/2025/NQ-HĐND trong đó mở rộng thêm đối tượng khó khăn trên địa bàn hưởng chính sách so với quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, địa phương đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến chính sách, chỉ đạo rà soát, thống kê đối tượng, tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội. Nhờ nâng cao tuyên truyền phổ biến chính sách, tập huấn cán bộ mà nhận thức của cán bộ, của một bộ phận người dân được nâng lên, góp phần vào triển khai thực hiện tốt các chế độ chính sách.

2. Kết quả thực hiện chế độ, chính sách

a) Trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng

Tổng hợp kết quả thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên ở cộng đồng (gồm chế độ trợ cấp xã hội và chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc), tính đến tháng 03/2026, xã Đoàn Đào có 1.130 người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và 109 người đang hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc hàng tháng. Trong số hưởng trợ cấp xã hội có: 02 hưởng chế độ trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng; 01 người hưởng chế độ người đơn thân nghèo nuôi con nhỏ; 731 người hưởng chế độ người cao tuổi (nay là trợ

cấp hưu trí theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP); 383 người hưởng chế độ người khuyết tật; 13 người hưởng chế độ do địa phương quy định.

Tổng kinh phí thực hiện trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, cấp thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí mai táng trên 1.2 ty đồng/tháng.

c) Trợ giúp khẩn cấp

Công tác huy động nguồn lực xã hội hóa, tặng quà cho đối tượng khó khăn, bảo trợ xã hội dịp Tết Nguyên Đán của địa phương được triển khai đồng bộ tổng cộng được khoảng từ 50 đến 100 triệu đồng/năm.

3. Đánh giá chung

a. Ưu điểm.

- Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội đang hoàn thiện phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, được nhân dân đồng tình, đánh giá cao. Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội là một bộ phận cấu thành của hệ thống an sinh xã hội toàn dân, gắn kết với hệ thống chính sách xã hội chung. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội nói chung, đảm bảo an sinh xã hội (trong đó có trợ giúp xã hội) nói riêng, coi đây là quyền của người dân được hưởng mức sống tối thiểu và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ.

- Chính sách trợ giúp xã hội từng bước đáp ứng các nhu cầu cơ bản của đối tượng về thu nhập, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, hướng nghiệp, dạy nghề đảm bảo tốt hơn các quyền của đối tượng thụ hưởng. Nhìn chung hệ thống chính sách hiện nay đã tạo thành lưới an toàn xã hội rộng khắp, đan xen, có khả năng bao phủ nhiều đối tượng thuộc nhiều tầng lớp khác nhau.

- Tác động của trợ giúp xã hội đến đối tượng hưởng lợi rất tích cực. Mức trợ giúp xã hội liên tục được điều chỉnh tăng lên. Mức chuẩn trợ cấp năm 2000 là 45.000 đồng/tháng, đến năm 2006 tăng lên 65.000 đồng/người/tháng, đến năm 2007 tăng lên 120.000 đồng/tháng, năm 2010 tăng lên 180.000 đồng/tháng, năm 2013 là 270.000 đồng/tháng, năm 2021 là 360.000 đồng/tháng và đến tháng 7/2024 là 500.000 đồng/tháng. Chế độ chính sách điều chỉnh kịp thời đã góp phần ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng cho đại đa số đối tượng trợ giúp xã hội, giúp họ tăng thêm vị thế xã hội trong gia đình và cộng đồng.

- Nhiều mô hình trợ giúp xã hội thành công trong chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, trợ giúp người cao tuổi do các địa phương thực hiện. Các tổ chức đoàn thể, xã hội cũng có nhiều chương trình xã hội nhân đạo, từ thiện trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội như chương trình đỡ đầu trẻ em mồ côi, người khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn....

b. Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng còn thấp, mới chỉ hỗ trợ được một phần nhu cầu thiết yếu của người dân; chưa tương đồng với chính sách bảo hiểm xã hội, lương hưu, giảm nghèo và trợ cấp đối với người có công với cách

mạng. Vì vậy, hiệu quả chính sách chưa cao, chưa hỗ trợ được nhu cầu thiết yếu của đối tượng bảo trợ xã hội. Cần phải điều chỉnh mức chuẩn phù hợp để từng bước bảo đảm an sinh xã hội cho nhóm dân cư yếu thế. Việc nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng nhằm bảo đảm hỗ trợ hiệu quả một phần nhu cầu thiết yếu cho đối tượng bảo trợ xã hội là hết sức cấp bách.

Thứ hai, còn một bộ phận dân cư khó khăn chưa thụ hưởng chính sách do chưa được quy định trong Nghị định số 20/2021/NĐ-CP như: thành viên hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng lao động; người mắc các bệnh hiểm nghèo phải chi phí chữa bệnh cao và lâu dài. Do vậy, cần quy định bổ sung là các nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

Thứ ba, quy trình, thủ tục và hồ sơ giải quyết chính sách trợ giúp xã hội được quy định theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, tuy nhiên người dân vẫn phải nộp hồ sơ giấy, gây tốn kém thời gian, tăng chi phí quản lý của cơ quan hành chính.

Thứ tư, việc xác định mức độ khuyết tật đôi khi còn lúng túng tại cấp xã. Việc xác định mức độ khuyết tật tại cấp xã là khâu đầu tiên và quan trọng nhất để đưa đối tượng vào diện hưởng trợ cấp theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, thực tế triển khai đang vấp phải nhiều rào cản mang tính kỹ thuật và nhân lực. Việc đánh giá dựa trên phương pháp quan sát trực tiếp và phỏng vấn (theo Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH) đôi khi mang tính cảm tính. Khoảng cách giữa "Nặng" (được hưởng trợ cấp) và "Nhẹ" (không được hưởng trợ cấp) chỉ chênh lệch 1-2 điểm trong phiếu đánh giá, gây khó khăn cho việc đưa ra quyết định cuối cùng.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Mức trợ cấp chưa bắt kịp biến động kinh tế

Mặc dù Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 76/2024/NĐ-CP đã nâng mức chuẩn trợ cấp từ 270.000 đồng lên 360.000 đồng và 500.000 đồng, nhưng thực tế hiện nay chi phí sinh hoạt, đặc biệt là giá lương thực và dịch vụ y tế tăng nhanh, khiến số tiền trợ cấp thực tế chưa đảm bảo được mức sống tối thiểu cho đối tượng bảo trợ xã hội.

- Bất cập trong việc xác định và phân loại đối tượng:

+ Việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã còn lúng túng với các dạng khuyết tật ẩn như tâm thần, trí tuệ, tự kỷ. Việc đánh giá bằng phương pháp quan sát thường dẫn đến những khó khăn nhất định trong xác định dạng tật và mức độ khuyết tật.

+ Đối tượng trẻ em: Quy định về trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng đôi khi khó áp dụng cho các trường hợp trẻ có cha mẹ nhưng cha mẹ bị bệnh tâm thần, đang chấp hành án phạt tù hoặc mất tích nhưng chưa có quyết định của Tòa án.

- Vướng mắc trong quy trình, thủ tục hành chính

+ Thủ tục xác nhận cư trú: Sau khi sổ hộ khẩu giấy bị bãi bỏ, việc xác nhận thông tin cư trú để làm hồ sơ trợ cấp đôi khi gặp trục trặc do dữ liệu dân cư chưa đồng bộ hoàn toàn với dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Chi trả không dùng tiền mặt: Chủ trương chi trả qua tài khoản ngân hàng gặp rào cản lớn đối với đối tượng bảo trợ xã hội (người già yếu, người khuyết tật nặng không thể đi lại). Việc ủy quyền cho người thân nhận thay phát sinh nhiều thủ tục rườm rà.

- Sự không đồng nhất về ngân sách giữa các địa phương: Các tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách thường ban hành chính sách đặc thù với mức chuẩn cao hơn mức 360.000 đồng của Trung ương. Điều này tạo ra sự chênh lệch đáng kể về mức hưởng thụ an sinh xã hội giữa các vùng miền, gây tâm lý so sánh trong nhân dân. Các tỉnh nghèo, ngân sách phụ thuộc Trung ương chỉ có thể thực hiện ở mức tối thiểu, khó mở rộng đối tượng thụ hưởng.

5. Đề xuất kiến nghị.

+ Xem xét tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội phù hợp với lộ trình cải cách tiền lương và trượt giá.

+ Số hóa hoàn toàn hồ sơ trợ giúp xã hội, liên thông dữ liệu dân cư để giảm bớt giấy tờ cho người dân.

+ Tăng cường đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

II. Tham gia góp ý đối với Dự thảo hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 20/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 76/2024/NĐ-CP

Sau khi nghiên cứu dự thảo hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 20/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 76/2024/NĐ-CP, UBND xã Đoàn Đào nhất trí nội dung dự thảo và không có ý kiến tham gia.

Trên đây là báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ và tham gia góp ý đối với Dự thảo hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 20/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 76/2024/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân xã Đoàn Đào trân trọng báo cáo. *gđ*

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh
Nguyễn Thị Vân Anh